

Bản án số: 28/2022/HNGĐ- ST
Ngày 05 tháng 9 năm 2025
“V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và ông Trần Văn Học

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Anh- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10-Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Lưu Hải Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10-Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Kiều Văn B, sinh năm 1984, (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Cao Thị L, sinh năm 1990, (Vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn 7, Lũng Hạ, xã Tam Hồng, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 14/4/2025 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Kiều Văn B trình bày:

Anh kết hôn với chị Cao Thị L ngày 22/3/2018 Trước khi cưới có tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y (Cũ). Sau ngày cưới tình cảm vợ chồng bình thường sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống. Ngoài ra chị L còn ngoại tình anh bắt được 3 lần chị nhắn tin cho bạn trai hẹn nhau ra nhà nghỉ dẫn đến sút mẻ tình cảm và phải sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Kiều Minh N sinh ngày 18/01/2015, cháu Kiều Minh H sinh ngày 12/02/2019, cháu Kiều Tuệ M sinh ngày 29/6/2021. Hiện 03 cháu đang ở với cả hai vợ chồng. Ly hôn anh xin nuôi cháu N và cháu H còn để chị L nuôi cháu M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Kiều Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2025 chị trình bày:

Chị xác nhận điều kiện kết hôn và quá trình chung sống như anh B trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung. Nay anh B xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Kiều Minh N sinh ngày 18/01/2015, cháu Kiều Minh H sinh ngày 12/02/2019, cháu Kiều Tuệ M sinh ngày 29/6/2021. Hiện 03 cháu đang ở với cả hai vợ chồng. Ly hôn chị xin nuôi cháu M để anh B nuôi cháu N và cháu H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do bận công việc nên chị không đến Tòa để giải quyết vụ án được và chị xin vắng mặt khi giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Tòa án đã chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành quy định của tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Kiều Văn B

Cho anh Kiều Văn B được ly hôn chị Cao Thị L

Về con chung: Giao cho anh Kiều Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kiều Minh N sinh ngày 18/01/2015, cháu Kiều Minh H sinh ngày 12/02/2019. Giao cho chị Cao Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kiều Minh H sinh ngày 12/02/2019 (Hiện 03 cháu đang ở với anh chị). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Kiều Văn B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh B nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn chị L. Bị đơn chị L có nơi thường trú và sinh sống tại thôn Lũng Hạ, xã Tam Hồng, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10-Phú Thọ theo quy định tại các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Cao Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Kiều Văn B kết hôn với chị Cao Thị L ngày 22/3/20018 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn và phải sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án anh B xin ly hôn chị L đồng ý chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh B, xử cho anh chị ly hôn để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng của mình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Kiều Minh N sinh ngày 18/01/2015, cháu Kiều Minh H sinh ngày 12/02/2019, cháu Kiều Tuệ M sinh ngày 29/6/2021. Hiện 03 cháu đang ở với cả hai vợ chồng. Đối với cháu N sinh trước khi anh B và chị L kết hôn nhưng ngày 20/8/2018 UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (Cũ) đã làm thủ tục đăng ký nhận cha, con, sau đó UBND xã Tùng Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (Cũ) đã làm thủ tục Bổ sung hộ tịch, thay đổi hộ tịch và cấp giấy khai sinh cho cháu Kiều Minh N ngày 10/6/2019 có tên cha là Kiều Văn B do vậy xác định cháu nhật là con chung của vợ chồng anh chị. Nay ly hôn anh B xin nuôi cháu N và cháu H, chị L xin nuôi cháu M, không yêu ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy yêu cầu của anh B xin nuôi 02 cháu và chị L xin nuôi 01 cháu là tự nguyện phù hợp thực tế và pháp luật nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh B chị L là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Anh B, chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về Ý kiến của Viện Kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[7] Về án phí: Anh Kiều Văn B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Kiều Văn B

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Kiều Văn B và chị Cao Thị L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho anh Kiều Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kiều Minh N sinh ngày 18/01/2015, cháu Kiều Minh H sinh ngày 12/02/2019. Giao cho chị Cao Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kiều Minh H sinh ngày 12/02/2019 (Hiện 03 cháu đang ở với anh chị). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Anh Kiều Văn B và chị Cao Thị L không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Kiều Văn B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003732 ngày 16/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y (Cũ) nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 10-Phú Thọ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10- Phú Thọ;
- Chi cục THADS khu vực 10- Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Hồng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Thuận